

Số: *126* /BC-TCKH

Phước Long, ngày *9* tháng *7* năm 2019

BÁO CÁO

V/v công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách thị xã quý II năm 2019

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ tình hình thực hiện dự toán ngân sách thị xã quý II năm 2019,

Phòng Tài chính – Kế hoạch báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách thị xã quý II năm 2019 với nội dung cụ thể như sau:

1. Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách thị xã quý II năm 2019:

- Cân đối ngân sách thị xã (biểu số 93/CK-NSNN đính kèm).
- Thực hiện thu ngân sách nhà nước quý II năm 2019 (biểu số 94/CK-NSNN đính kèm).
- Thực hiện chi ngân sách nhà nước quý II năm 2019 (biểu số 95/CK-NSNN đính kèm).

2. Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách thị xã quý II năm 2019:

2.1 Thực hiện thu ngân sách:

Tổng thu ngân sách địa phương hưởng thực hiện quý II là 149.918.293 ngàn đồng, lũy kế 394.039.500 ngàn đồng, đạt 56,2% so với dự toán UBND thị xã giao.

Tổng thu mới thực hiện quý II 182.711.276 ngàn đồng, lũy kế 6 tháng là 340.337.848 ngàn đồng, đạt 64,8% so với dự toán UBND thị xã giao. Trong đó, một số khoản thu chiếm tỷ trọng lớn đạt kết quả như sau:

- Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh quý II là 10.368.882 ngàn đồng, lũy kế 6 tháng 24.149.056 ngàn đồng, đạt 38,3% so với dự toán UBND thị xã giao.

- Thu tiền sử dụng đất: thực hiện quý II 90.526.759 ngàn đồng, lũy kế 211.212.438 ngàn đồng, đạt 52,8% so với dự toán UBND thị xã giao.

- Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước: thực hiện quý II 69.477.308 ngàn đồng, lũy kế 78.767.060 ngàn đồng, đạt 3.150% so với dự toán UBND thị xã giao. Nguyên nhân khoản thu này đạt quá cao so với dự toán giao đầu năm là do phát

sinh khoản thu tiền thuê đất một lần của Công ty Việt Á (9 tỷ đồng) và đặc biệt là khoản thu đấu giá quyền thuê đất tại Trung tâm thương mại và dịch vụ Phước Long thuộc Dự án TTHC và khu ĐTM thị xã (68 tỷ đồng).

2.2 Thực hiện chi ngân sách:

Thực hiện chi NSNN quý II là 149.918.293 ngàn đồng, lũy kế 394.039.500 ngàn đồng, đạt 35,6% so với dự toán UBND thị xã giao (Bao gồm chi tạm ứng ngân sách). Một số khoản chi lớn cụ thể:

- Chi đầu tư XD CB thực hiện quý II 94.664.227 ngàn đồng, lũy kế 128.803.525 ngàn đồng, đạt 30,6% so với dự toán UBND thị xã giao.

- Chi thường xuyên thực hiện quý II 56.606.531 ngàn đồng, lũy kế 114.028.358 ngàn đồng, đạt 42,1% so với dự toán UBND thị xã giao.

Trên đây là nội dung Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách thị xã quý II năm 2019.

Phòng Tài chính – Kế hoạch đề nghị UBND thị xã công khai trên trang thông tin điện tử của UBND thị xã theo quy định về hình thức công khai tại Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.

Nơi nhận:

- UBND thị xã;
- Lưu VT.

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Ngọc Sanh

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ QUÝ II NĂM 2019

Đơn vị tính: ngàn đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm, chuyển nguồn	Thực hiện quý II	Lũy kế 6 tháng	So sánh (%)
1	2	3	4	5	6
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH THỊ XÃ	701.265.124	149.918.293	394.039.500	56,2
I	Thu ngân sách thị xã được hưởng theo phân cấp	414.875.000	113.525.767	236.262.743	56,9
-	Thu ngân sách thị xã hưởng 100%	12.400.000	1.340.519	3.970.347	32,0
-	Thu ngân sách thị xã hưởng từ các khoản thu phân cấp	402.475.000	112.185.248	232.292.396	57,7
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	173.927.000	36.150.000	74.150.000	42,6
-	Thu bổ sung cân đối	124.047.000	30.000.000	60.000.000	48,4
-	Thu bổ sung có mục tiêu	49.880.000	6.150.000	14.150.000	28,4
III	Thu quản lý qua ngân sách	1.000.000	242.526	694.633	69,5
IV	Thu kết dư	28.531.000	0		
V	Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang	82.932.124	0	82.932.124	
B	Tổng chi ngân sách	701.265.124	151.588.826	249.465.127	35,6
I	Chi cân đối ngân sách thị xã	700.265.124	151.270.758	242.831.883	34,7
1	Chi đầu tư phát triển	420.515.639	94.664.227	128.803.525	30,6
2	Chi thường xuyên	271.036.034	56.606.531	114.028.358	42,1
3	Dự phòng ngân sách	4.760.000	0	0	0,0
4	Chi từ kết dư, CCTL, chuyển nguồn ngân sách cấp xã	3.953.451	0		
II	Chi từ nguồn thu quản lý qua ngân sách	1.000.000	242.526	694.633	69,5
III	Chi tạm ứng ngân sách		75.542	5.938.611	

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ II NĂM 2019

Đơn vị tính: ngàn đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý II	Lũy kế 6 tháng	So sánh (%)
1	2	3	4	5	6
A	TỔNG THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	525.000.000	182.711.276	340.337.848	64,8
I	Thu nội địa	524.000.000	182.468.750	339.643.215	64,8
1	Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước	0	128.564	224.584	
2	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	63.000.000	10.368.882	24.149.056	38,3
3	Thuế thu nhập cá nhân	15.000.000	2.486.807	5.111.727	34,1
4	Lệ phí trước bạ	25.000.000	6.244.147	13.295.195	53,2
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	600.000	131.143	152.774	25,5
6	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	2.500.000	69.477.308	78.767.060	3.150,7
7	Thu tiền sử dụng đất	400.000.000	90.526.759	211.212.438	52,8
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	1.300.000	253.736	253.736	19,5
9	Thu phí, lệ phí	7.500.000	814.490	3.054.751	40,7
10	Thu khác ngân sách	8.600.000	2.036.914	3.421.894	39,8
11	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	500.000	0	0	0,0
II	Thu quản lý qua ngân sách	1.000.000	242.526	694.633	69,5
B	THU NGÂN SÁCH THỊ XÃ HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	414.875.000	113.525.767	236.262.743	56,9
	Thu ngân sách thị xã hưởng 100%	12.400.000	1.340.519	3.970.347	32,0
	Thu ngân sách thị xã hưởng từ các khoản thu phân chia	402.475.000	112.185.248	232.292.396	57,7

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ QUÝ II NĂM 2019

Đơn vị tính: ngàn đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm, chuyển nguồn	Thực hiện quý II	Lũy kế 6 tháng	So sánh (%)
1	2	3	4	5	6
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	701.265.124	151.588.826	249.465.127	35,6
	<i>Trong đó:</i>				
I	Chi đầu tư phát triển	420.515.639	94.664.227	128.803.525	30,6
1	Chi đầu tư cho các dự án	420.515.639	94.664.227	128.803.525	30,6
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	271.036.034	56.606.531	114.028.358	42,1
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	131.197.647	25.231.352	51.128.641	39,0
2	Chi khoa học và công nghệ	0	0	0	
3	Chi y tế, dân số và gia đình	23.736.618	7.272.210	15.404.697	64,9
4	Chi văn hóa thông tin, thể thao	3.416.000	823.729	1.831.268	53,6
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	126.960	39.811	42.424	33,4
7	Chi các hoạt động kinh tế	22.353.760	4.728.893	7.894.888	35,3
8	Chi hoạt động của cơ quan QLNN, Đảng, Đoàn thể	65.344.454	14.336.816	27.577.550	42,2
9	Chi đảm bảo xã hội	7.615.706	1.165.179	3.844.011	50,5
10	Chi an ninh, quốc phòng	11.939.642	2.996.541	5.411.279	45,3
11	Chi khác ngân sách	5.305.247	12.000	893.600	16,8
III	Dự phòng ngân sách	4.760.000	0	0	0,0
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	3.953.451	0	0	
V	Chi từ nguồn thu quản lý qua ngân sách	1.000.000	242.526	694.633	69,5
VI	Chi tạm ứng ngân sách		75.542	5.938.611	